

Số:

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
Đánh giá kết thúc Dự án 2-Chương trình 135 (2018-2020)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5620/UBND-KT ngày 22/10/2021 về việc báo cáo kết quả thực hiện hai Chương trình MTQG vay vốn của Ngân hàng thế giới, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo đánh giá kết thúc Dự án 2 Chương trình 135 như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã An toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND phê duyệt danh sách thôn ĐBKK vào diện đầu tư của Chương trình 135, tỉnh Quảng Ngãi có 50 xã ĐBKK, xã An toàn khu và 47 thôn ĐBKK thuộc vào diện đầu tư của Chương trình 135.

Tổng dân số của các xã, thôn ĐBKK thực hiện Chương trình 135 năm 2017 là 145.828 người, trong đó 127.439 người là dân tộc thiểu số, chiếm 90,16%. Cuối năm 2017, tổng số hộ nghèo vùng DTTS và miền núi của tỉnh là 22.697 hộ, chiếm tỷ lệ 36,97% và tổng số hộ cận nghèo là 8.518 hộ, chiếm tỷ lệ 13,87%; trong đó tổng số hộ nghèo DTTS là 20.899 hộ (chiếm tỷ lệ 53,41% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh và chiếm 91,25% tổng số hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi)

1. Thuận lợi

Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các nghị quyết và quyết định trọng tâm để tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình; Cấp ủy, HĐND, UBND các huyện, xã cũng kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định cho việc triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn đạt kết quả. Kịp thời thành lập và kiện toàn hệ thống tổ chức chỉ đạo, bộ máy quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia từ cấp tỉnh đến cấp xã để chỉ đạo, điều phối việc thực hiện Chương trình.

Công tác xây dựng kế hoạch, hạng mục đầu tư, bình chọn hộ hưởng lợi được làm tốt từ thôn, bản. Đảm bảo các tiêu chí, công khai, dân chủ, phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của người dân. Người dân sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích có hiệu quả, nhiều hộ đã có thu nhập khá, góp phần vào công tác xoá đói giảm nghèo.

2. Khó khăn

Nguồn lực của Nhà nước đầu tư trực tiếp cho Chương trình chưa đáp ứng nhu cầu các địa phương. Đặc thù của địa bàn thực hiện Chương trình 135 của tỉnh chủ yếu là vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung, có điều kiện kinh tế - xã hội và đời sống của người dân còn thấp; là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất của tỉnh; vì vậy, mặc dù Chương trình 135 đã tạo được những thay đổi mang tính căn bản về hạ tầng, điều kiện cho sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số; song việc thực hiện giảm nghèo bền vững ở vùng ĐBKK còn nhiều khó khăn, các hộ thoát nghèo nhưng thiếu bền vững, tỷ lệ hộ thoát nghèo chuyển sang cận nghèo còn khá cao. Số lượng hộ thoát nghèo vuron lên khá giả chưa nhiều và có nguy cơ tái nghèo cao khi có tác động của các yếu tố khách quan.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Khái quát kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 2016-2020

a) *Kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*

- Về giảm tỷ lệ hộ nghèo: Trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN giảm từ 46,76% (năm 2016) xuống còn 22,01% (năm 2020); bình quân mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN giảm 4,95%.

- 100% xã có trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đạt mục tiêu của Chương trình.

- 100% xã ĐBKK có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân, đạt mục tiêu của Chương trình.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở xã, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 75,07%, đạt mục tiêu của Chương trình.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng, đạt tỷ lệ 100%

- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cô đọng, đạt 100% so với kế hoạch năm 2020 (100%)

- 100% hộ dân thuộc địa bàn xã, thôn ĐBKK được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác.

b) *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu KT-XH của tỉnh giai đoạn 2016-2020*

- Về kinh tế: kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục tăng trưởng, năm 2020, tổng giá trị sản xuất là 6.880,81 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,22%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, năm 2020, tỷ trọng lâm, nông, ngư nghiệp chiếm 33,47%, công nghiệp - xây dựng 42,56%, dịch vụ 23,97%.

- Về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng: Đến nay, các huyện miền núi đã có Quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã thông suốt 04 mùa; các tuyến đường đến các huyện miền núi cơ bản đã được đầu tư, hoàn thiện, đưa vào sử dụng.

- Về giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa : Đến nay, có 18,31% (13/71) trường mầm non, 33,33% (17/51) trường tiểu học, 30,43% (21/69) trường trung học cơ sở và 55,55% (05/09) trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. 100% trẻ em người DTTS được tăng cường tiếng Việt phù hợp theo độ tuổi; tỷ lệ học sinh tiểu học ra lớp đạt 100% và hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm từ 34,3% (năm 2016) xuống còn 25,5. Đến nay, trên địa bàn miền núi có 01 trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện (huyện Trà Bồng), có 32/60 trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, đạt 53,3%; có 254/266 nhà sinh hoạt văn hóa thôn, đạt 95,5%;

-Về quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được ổn định; đã duy trì chặt chẽ chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có số lượng ổn định, chất lượng ngày càng tăng.

2. Tổ chức thực hiện

Việc điều hành Chương trình 135 ở cấp tỉnh do Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 được thành lập tại Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình 135; theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình MTQGGBV, UBND tỉnh và Trung ương.

UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo thực hiện Tiểu dự án 2 hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

3. Đánh giá công tác lập kế hoạch

Trong quá trình thực hiện, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật cũng như văn bản chỉ đạo điều hành triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 135): *cụ thể tại bảng 2-lập kế hoạch kèm theo.*

- *Về nguyên tắc phân bổ vốn:* Thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 30/3/2017 và UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQGGBV tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; theo đó việc phân bổ vốn cho các xã ĐBKK, xã ATK thực hiện Chương trình 135 được thực hiện theo hệ số K được quy định tại Quyết định nêu trên, bảo đảm nguyên tắc không bình quân chia đều cho các xã.

Trên cơ sở thông báo kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tỉnh Quảng Ngãi, các Sở, ngành và địa phương liên quan đã phối hợp tham mưu cho UBND tỉnh phân khai kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 cho các địa phương, đơn vị theo đúng quy định, nguyên tắc và kịp thời.

- *Về nguyên tắc xã làm chủ đầu tư:* UBND huyện là cấp quyết định đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện. Đối với Tiểu dự án 1 hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và Tiểu dự án 2 hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ĐBKK, xã ATK, thôn ĐBKK đã phân cấp 100% cho UBND xã thực hiện Chương trình 135 làm chủ đầu tư các dự án này. Đối với Tiểu dự án 3 Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã ATK, thôn ĐBKK giao cho Ban Dân tộc tỉnh triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư 01/2017/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc.

Tuy nhiên, hiện nay năng lực của UBND các xã chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Vì vậy, mặc dù phân cấp cho UBND các xã làm chủ đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 nhưng một số xã phải hợp đồng ủy thác với các Ban Quản lý dự án cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án.

- *Về nguyên tắc dân chủ công khai và sự tham gia của cộng đồng:* Các nội dung thực hiện, nguồn vốn thực hiện Chương trình 135 đều được các địa phương triển khai thực hiện công khai, dân chủ để người dân được tham gia ngay từ khâu lập kế hoạch đến việc tổ chức triển khai thực hiện.

- *Về nguyên tắc xã có công trình, dân có việc làm tăng thêm thu nhập:* Thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành TW, trong quá trình

thực hiện các dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng, các địa phương đã yêu cầu các đơn vị thực hiện sử dụng lao động, tạo việc làm công theo đúng quy định. Hầu hết các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh đều sử dụng lao động phổ thông tại địa phương khi triển khai thực hiện, tạo thu nhập cho người dân vùng thụ hưởng chương trình.

4. Đánh giá việc triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, thực hiện Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 được quy định tại Nghị định 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

4.1. Về Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

Tổng kế hoạch vốn để thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong giai đoạn 2018 - 2020 là 189.000 triệu đồng, thực hiện cho 334 công trình, cụ thể:

- Năm 2018, kinh phí được giao là 62.118 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển: 59.120 triệu đồng, vốn sự nghiệp thực hiện duy tu bảo dưỡng: 2.998 triệu đồng*) thực hiện 86 công trình CSHT và 20 công trình duy tu bảo dưỡng, giải ngân được 53.498 triệu đồng.

- Năm 2019, kinh phí được giao là 63.008 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển là: 58.680 triệu đồng và vốn sự nghiệp để duy tu bảo dưỡng là 4.328 triệu đồng*) thực hiện đầu tư mới 93 công trình CSHT và 24 công trình duy tu bảo dưỡng, giải ngân được 48.540 triệu đồng.

- Năm 2020, kinh phí được giao là 62.878 triệu đồng. Trong đó, (*vốn đầu tư phát triển là 58.553 triệu đồng, vốn sự nghiệp thực hiện duy tu bảo dưỡng là 4.325 triệu đồng*) thực hiện 87 công trình CSHT và 24 công trình duy tu bảo dưỡng, giải ngân được 48.454 triệu đồng.

4.2. Về đánh giá kết quả thực hiện Nghị định 161/2016/NĐ-CP và Nghị định 120/2018/NĐ-CP của Chính phủ

Để triển khai thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP, UBND tỉnh đã Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng; Ban hành các tập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình trường học, mầm non, mẫu giáo; các công trình xây dựng đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh (*tại Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 03/4/2017*); Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức tập huấn nội dung, quy trình triển khai thực hiện Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 cho các địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2020 chưa có địa phương nào thực hiện việc áp dụng cơ chế này trong việc đầu tư xây dựng các công trình CSHT thuộc Chương trình 135.

5. Đánh giá việc triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất

Tổng kế hoạch vốn để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong giai đoạn 2018-2020 là 47.693 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 45.449 triệu đồng, vốn huy động khác là 2.244 triệu đồng.

Năm 2018, hỗ trợ phát triển sản xuất là 13.565 triệu đồng thực hiện 83 dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho 1.754 hộ; năm 2019, hỗ trợ phát triển sản xuất là 17.649 triệu đồng thực hiện 51 dự án và 9 mô hình cho 876 hộ; năm 2020, hỗ trợ phát triển sản xuất 16.479 triệu đồng thực hiện 54 dự án và 12 mô hình cho 1.223 hộ.

Tổng giải ngân giai đoạn 2018-2020 là 41.136 triệu đồng.

6. Đánh giá công tác tập huấn nâng cao năng lực

- Về kế hoạch vốn giao: Tổng kế hoạch vốn được TW thông báo để thực hiện Tiểu dự án này trong giai đoạn 2018-2020 là 8.611 triệu đồng; (*năm 2018 là 3.193 triệu đồng, năm 2019 là 2.390 và năm 2020 là 3.028 triệu đồng*).

- Về kết quả thực hiện:

+ Năm 2018: Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 06 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quy trình triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về Quản lý dự án thuộc Chương trình 135 cho 280 cán bộ công chức cấp xã; tổ chức 10 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135; tổ chức 06 lớp tập huấn về thực hiện gói thầu giao cho cộng đồng thực hiện theo cơ chế đặc thù cho 186 người; tổ chức 22 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phát triển kinh tế hộ gia đình cho 780 người dân ở thôn, xã ĐBK, xã ATK; tổ chức 01 chuyên học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình 135 tại các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng...

+ Năm 2019: Theo kết luận của Kiểm toán, việc nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở phải gắn với từng công trình, dự án, tổ, nhóm cụ thể, thời gian thực hiện phải phù hợp với thời gian xây dựng công trình, chu kỳ dự án, lịch hoạt động tổ, nhóm; Ban Dân tộc tỉnh đã có văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc nhưng không nhận được văn bản hướng dẫn; vì vậy trong năm 2019 Tiểu dự án này không được triển khai thực hiện.

+ Năm 2020: Tổ chức 24 lớp tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng về phát triển kinh tế hộ gia đình cho 1.092 lượt người dân; tổ chức 19 lớp tập huấn kiến thức về xây dựng và vận hành tổ nhóm, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất cho 816 lượt người dân; tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ đấu thầu qua mạng cho 116 lượt cán bộ công chức cấp xã; tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức về Quản lý tài chính Chương trình 135 cho 55 lượt cán bộ công chức cấp xã..

Tổng kinh phí giải ngân giai đoạn 2018-2020 là 4.250 triệu đồng.

7. Đánh giá công tác theo dõi, giám sát

Hàng năm, căn cứ kế hoạch được UBND tỉnh giao cho các đơn vị, địa phương, Ban Dân tộc tỉnh đã hướng dẫn, đôn đốc các địa phương quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời phối hợp với các cơ quan, địa phương tổ chức kiểm tra tiến độ, kịp thời phát hiện và kiến nghị các cấp chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

Thực hiện Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông và Ban Dân tộc tỉnh tổ chức các Đoàn kiểm tra giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó có kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn các huyện, xã. Qua kết quả kiểm tra, UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo khắc phục những tồn tại vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Ngoài ra, UBND các huyện cũng đã tổ chức kiểm tra thực hiện Chương trình trên địa bàn các xã.

8. Kinh phí và nguồn kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2018-2020 là 245.304 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 234.060 triệu đồng, vốn huy động khác là 2.244 triệu đồng.

9. Đánh giá tác động của Chương trình

Cùng với các chương trình, dự án, chính sách khác được thực hiện trong thời gian qua, Chương trình 135 đã góp phần quan trọng trong việc làm thay đổi cơ bản hệ thống hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, góp phần nhất định vào việc thực hiện chủ trương giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho sự phát triển của vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN giảm từ 46,76% (năm 2016) xuống còn 22,01% (năm 2020); Chương trình 135 trong những năm qua đã giúp nâng lực sản xuất của người dân ở vùng đặc biệt khó khăn được nâng lên, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Ở nhiều vùng, đồng bào dân tộc thiểu số đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi và trồng trọt với các loại cây, con giống mới, có năng suất, chất lượng cao, phần nào đã thay đổi tập quán canh tác lạc hậu lâu nay.

Chương trình 135 đã góp phần tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỉ trọng chăn nuôi, hướng sản xuất gắn với thị trường. Chương trình đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của đồng bào các dân tộc vùng ĐBKK, nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc về các quyền và nghĩa vụ của mình trong các chương trình, chính sách, tạo cơ sở để nhân dân tham gia ngày càng rộng hơn,

sâu hơn vào việc xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện, giám sát các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn của mình.

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá tính bền vững

Do đặc thù của địa bàn thực hiện Chương trình 135 của tỉnh chủ yếu là vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống không tập trung, có điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống của người dân còn thấp; là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất của tỉnh; vì vậy, mặc dù Chương trình 135 cùng với các chương trình, chính sách khác của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 đã tạo được những thay đổi mang tính căn bản về hạ tầng, về điều kiện cho sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, song, việc thực hiện giảm nghèo bền vững ở vùng ĐBKK còn nhiều khó khăn, các hộ thoát nghèo nhưng thiếu bền vững, tỷ lệ hộ thoát nghèo nhưng chuyển sang cận nghèo còn khá cao. Số lượng hộ thoát nghèo vượt lên khá giả hạn chế và có nguy cơ tái nghèo cao khi có tác động của các yếu tố bên ngoài.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là: Sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị xã hội các cấp, đặc biệt là cấp xã có vai trò quan trọng và then chốt trong việc thực hiện có hiệu quả của Chương trình. Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện dự án được thực hiện một cách dân chủ, công khai nhằm phát huy mạnh mẽ, chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng. Xác định, phân loại hộ nghèo để đầu tư, hỗ trợ cho những hộ gia đình có tư liệu sản xuất, có lao động nhằm mang lại hiệu quả.

Hai là: Thiết lập cơ chế phân bổ ngân sách công bằng, minh bạch và có tính khuyến khích cao, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động trong việc huy động nguồn lực tại chỗ cũng như lồng ghép với các nguồn khác, tránh hỗ trợ cho đối tượng mang tính cào bằng, hỗ trợ cho đối tượng có đủ điều kiện và cam kết thực hiện dự án.

Ba là: Công tác tuyên truyền được quan tâm, duy trì thường xuyên là quan trọng trong việc góp phần nâng cao nhận thức giúp thay đổi tư duy trong sản xuất. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức tập huấn với các hình thức như trực quan nhằm giúp người dân thay đổi tư duy trong sản xuất, đồng thời chú trọng việc chuyên giao khoa học kỹ thuật cho nông dân; giải thích cụ thể từng nội dung Chương trình đầu tư.

Bốn là: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn lực, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không thất thoát, nhất là công tác kiểm tra của cấp chính quyền cơ sở đối với việc sử dụng, chăm sóc các loại giống cây trồng, vật nuôi của từng hộ gia đình sau khi hỗ trợ từ dự án. Kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí của chương trình không đúng mục đích, không có hiệu quả.

Nhằm là: Địa phương cần phát huy tính dân chủ trong việc chọn hộ cho đến việc chọn giống cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của hộ thụ hưởng khi tham gia Chương trình để sản xuất theo quy mô sản xuất hàng hóa. Thực hiện xúc tiến thương mại, liên kết thị trường giữa người sản xuất và doanh nghiệp là cần thiết để giúp cho người sản xuất an tâm, mạnh dạn đầu tư và mở rộng sản xuất.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Đề nghị xem xét có cơ chế quản lý thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng ĐBKK, nhất là trong điều kiện trình độ quản lý của các bộ cấp xã vùng ĐBKK còn hạn chế.

- Nâng mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các Tiểu dự án trong giai đoạn 2021-2025 lên gấp 2 lần so với mức hỗ trợ của giai đoạn 2016-2020. Việc phân bổ kinh phí phải tập trung, không dài trải, nhỏ lẻ trên cơ sở nhu cầu của đối tượng, địa bàn thực hiện. Trung ương nên thông báo tổng kế hoạch vốn hàng năm của cả Chương trình, không thông báo chi tiết đến từng Tiểu dự án để địa phương thuận lợi trong việc điều hành vốn theo hướng ưu tiên cho những nội dung cấp thiết.

- Việc lồng ghép nguồn lực cần có hướng dẫn cụ thể; quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho cơ quan phối hợp, cơ quan chủ trì, thủ tục, hồ sơ xây dựng dự án, thanh quyết toán, tổng hợp báo cáo.

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo đề Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở NNPTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, CSĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân